

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 812/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2022.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thanh Minh.
2. Bà Đặng Thị Huệ Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Ngọc D, sinh năm 1991.

Thường trú: 50 tầng 1 P, phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 104/28A B, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyen Anh I, sinh năm 1996.

Quốc tịch: Thụy Điển.

Địa chỉ: T 11 Lgh 1001 702 23 Örebro, Sweden.

(đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn – ông Ngô Ngọc D trình bày:

Ông và bà Nguyen Anh I tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117 do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/9/2016. Sau khi kết hôn bà Nguyen Anh I về lại Thụy Điển để tiếp tục phát triển công việc. Đến năm 2020 vì xa cách về địa lý và thời gian khác nhau nên cuộc sống ông bà phát sinh mâu thuẫn. Ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyen Anh I để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2022 được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Thụy Điển chứng nhận ngày 11/5/2022 bị đơn – bà Nguyen Anh I trình bày:

Bà và ông Ngô Ngọc D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/9/2016, số 117. Sau khi đăng ký kết hôn bà về lại Thụy Điển để tiếp tục phát triển công việc. Đến năm 2020 bà và ông Ngô Ngọc D ngày càng không có thời gian liên lạc với nhau vì thời gian sinh hoạt khác nhau và cách xa về địa lý. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Ngô Ngọc D cho cả hai có cuộc sống mới.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Ngô Ngọc D và bà Nguyen Anh I đều có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 10/11/2021, ông Ngô Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyen Anh I. Bà Nguyen Anh I hiện đang cư trú tại Thụy Điển, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Ngô Ngọc D và bà Nguyen Anh I đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Ngọc D và bà Nguyen Anh I tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117 do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/9/2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Ngô Ngọc D và bà Nguyen Anh I đều thừa nhận hai bên sống xa cách nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hòa giải đoàn tụ. Bên cạnh đó ông bà có lời khai thuận tình ly hôn để cả hai có điều kiện để ổn định cuộc sống nhưng do Ông Ngô Ngọc D và bà Nguyen Anh I không tham gia phiên tòa nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương

sự. Do đó, có cơ sở xác định Ông Ngô Ngọc D và bà Nguyen Anh I đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Ngọc D về việc xin ly hôn với bà Nguyen Anh I.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Ngô Ngọc D phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Ngọc D được ly hôn với bà Nguyen Anh I.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Ông Ngô Ngọc D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông Ngô Ngọc D đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001734 ngày 02/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ngô Ngọc D đã nộp đủ án phí.

3. Ông Ngô Ngọc D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; bà Nguyễn Anh I có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND quận 1, Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Minh

Đặng Thị Huệ Tú

Đoàn Thị Trang

